

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị S, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1968.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị S số tiền còn nợ là 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị S có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất (bản chính) thửa 4044, tờ bản đồ số 2, diện tích 472 m² đất tọa lạc tại xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp số vào sổ cấp GCN: CH02562 do UBND huyện Tam Nông cấp ngày 04/01/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thống nhất thỏa thuận:

Bà Lê Thị S tự nguyện nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 344.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), nhưng bà S là người cao tuổi (hiện 64 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí số tiền 344.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không đề cập xử lý.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 344.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), nhưng ông L và bà T là cá nhân thuộc hộ cận nghèo thuộc trường hợp được miễn nộp án phí số tiền 344.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy, ông L và bà T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA huyện cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Như Ý